

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2021
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Kim Thanh;
2. Ông Nguyễn Văn Thượng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 822/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông **Lê A**, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 43, ấp C, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

2/ *Bị đơn:* Bà **Trần B**, sinh năm 1984; nơi cư trú cuối cùng: Tổ 43, ấp C, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (theo quyết định tuyên bố mất tích số 13/2020/QĐDS-ST ngày 07/12/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê A trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trần B tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại ủy ban nhân dân xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Do cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà Trần B không hạnh phúc nên vào tháng 6/2015, sau khi vợ chồng cãi nhau thì bà Trần B đã bỏ địa phương đi cho đến nay, bà Trần B đi đâu ông không rõ địa chỉ; ông đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố mất tích đối với bà Trần B và được Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ban hành quyết định số 13/2020/QĐDS-ST ngày 07/12/2020 tuyên bố bà

Trần B có nơi cư trú cuối cùng tại Tổ 43, ấp C, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và mất tích từ năm 2015. Nay ông làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần B.

- Về con chung: Ông và bà Trần B chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thanh Tuyền, sinh ngày 27/12/2006 và cháu Lê Vũ Duy, sinh ngày 25/9/2009. Khi nộp đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với bà Trần B thì ông có yêu cầu giải quyết các vấn đề liên quan đến con chung giữa ông và bà Trần B nhưng do các con chung đã rời địa phương cùng với bà Trần B và ông cũng không biết được nơi cư trú hiện nay của cháu Lê Thanh Tuyền và cháu Lê Vũ Duy nên ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung khi giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn với bà Trần B.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do Bị đơn, bà Trần B đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ban hành quyết định số 13/2020/QĐDS-ST ngày 07/12/2020 tuyên bố bà Trần B có nơi cư trú cuối cùng tại tổ 43, ấp C, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh mất tích từ năm 2015 cho đến nay nên không có ý kiến trình bày của bà Trần B liên quan đến vụ án tranh chấp ly hôn do ông Lê A khởi kiện.

Tại phiên tòa:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

- Về tố tụng: Do ông Lê A là nguyên đơn trong vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Trần B đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê A và bà Trần B.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 146, 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê A và bà Trần B.

+ Về con chung: Ghi nhận việc ông Lê A rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung khi giải quyết tranh chấp ly hôn với bà Trần B.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ông Lê A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Ông Lê A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Do ông Lê A là nguyên đơn trong vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Trần B đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê A và bà Trần B.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông Lê A và bà Trần B tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2005, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê A thì thấy rằng: Qua thu thập chứng cứ, xác minh chính quyền địa phương xác định bà Trần B đã rời khỏi địa phương từ năm 2005, đi đâu không rõ địa chỉ, khi đi không báo chính quyền địa phương; bà Trần B không có mặt tại địa phương từ năm 2015 cho đến nay và đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Châu tuyên bố mất tích theo Quyết định số 13/2020/QĐDS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020. Do đó, xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông Lê A và bà Trần B không thể đạt được nên Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông Lê A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần B là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với Điều 68 Bộ luật Dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của ông Lê A thể hiện ông Lê A và bà Trần B chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thanh Tuyên, sinh ngày 27/12/2006 và cháu Lê Vũ Duy, sinh ngày 25/9/2009. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung khi giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn với bà Trần B; qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện cháu Lê Thanh Tuyên, sinh ngày 27/12/2006 và cháu Lê Vũ Duy, sinh ngày 25/9/2009 có nơi đăng ký hộ khẩu tại tổ 43, ấp C, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nhưng hiện nay không còn sống tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nên không thể làm việc được với cháu Lê Thanh Tuyên và cháu Lê Vũ Duy. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê A là tự nguyện và phù hợp với tình hình thực tế do đó Hội đồng xét xử ghi nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung khi giải quyết vụ án tranh chấp xin ly hôn với bà Trần B của ông Lê A.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ông Lê A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Lê A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 68 Bộ luật Dân sự, Điều 228, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê A đối với bà Trần B. Ông Lê A được ly hôn với bà Trần B.

2. Về con chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp nuôi con chung giữa ông Lê A và bà Trần B đối với các cháu Lê Thanh Tuyền, sinh ngày 27/12/2006 và cháu Lê Vũ Duy, sinh ngày 25/9/2009.

Ông Lê A và bà Trần B có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết các vấn đề về tranh chấp nuôi con liên quan đến các cháu Lê Thanh Tuyền, sinh ngày 27/12/2006 và cháu Lê Vũ Duy, sinh ngày 25/9/2009 khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Ghi nhận Ông Lê A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Lê A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001531 ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ông Lê A đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho ông Lê A và bà Trần B biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phú Sang

